

余暇 Leisure 余暇 休闲 Yúxiá xiūxián

1	温泉 hot spring	温泉	Wēnquán
2	寺 temple	庙庙	miào miào
3	神社 shrine	神社	shénshè
4	庭園 garden	庭园	tíngyuán
5	公園 park	公园公园	gōngyuán gōngyuán
6	動物園 zoo	动物园动物园	dòngwùyuán dòngwùyuán
7	遊園地 amusement park	游乐园	yóu lèyuán
8	美術館 art museum	美术馆	měishù guǎn
9	水族館 aquarium	水族箱	shuǐzú xiāng
10	博物館 museum	博物馆	bówùguǎn
11	映画館 movie theater	电影院	diànyǐngyuàn
12	開館 opening hall	开幕礼堂	kāimù lǐtáng
13	閉館 closing hall	闭馆	bì guǎn
14	休館日 holiday	休息日假期	xiūxi rì jiàqī
15	祝日 national holiday	国定假日	guóding jiàrì
16	利用時間 opening hours	营业时间	yíngyè shíjiān
17	図書館 library	图书馆	túshū guǎn
18	体育館 gym	体育馆	tǐyùguǎn
19	公民館 civic center	公民馆市民中心	gōngmín guǎn shìmín zhōngxīn
20	余暇 leisure/spare time	休闲/业余时间	Xiūxián/yèyú shíjiān
21	読書 reading	读读	dé xiū
22	料理 cooking	烹饪	pēngrèn
23	買い物 shopping	购物	gòuwù
24	釣り fishing	钓鱼	diàoyú
25	園芸 gardening	园艺	yuányì
26	生け花 flower arrangement	插花	chí huā
27	音楽 music	音乐	yīnyuè